

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung của vợ chồng khi
ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Anh;

2. Ông Cao Khắc Hùng;

Thư ký phiên tòa: Ông Ngân Mai Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1975.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Đức D – sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ: K8, thị trấn CC, huyện CC, tỉnh NA. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 25/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: giữa chị và bị đơn anh Nguyễn Đức D kết hôn với nhau vào ngày 20/7/1993 tại UBND thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện,

không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không phù hợp, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung vì bản thân chị không có việc làm ổn định, hơn nữa anh D, không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè bê tha khiến cuộc sống gia đình ngày càng mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà từ cuối năm 2006 vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn bị đơn anh Nguyễn Đức D.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị có hai người con chung tên là Nguyễn Đức T, sinh ngày 02/3/1994 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 21/02/2003. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, còn cháu Q đang sống cùng với chị tại K8, thị trấn CC, huyện CC, tỉnh NA. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Q và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: chị và anh Nguyễn Đức D thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Đức D vắng mặt mặc dầu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2019 cháu Nguyễn Đức Q có nguyện vọng được sống với mẹ để có điều kiện học hành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Công phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều **70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức D; về con: giao con chung Nguyễn Đức Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh D; về tài sản: chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của vợ chồng khi ly hôn: Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông thể hiện “anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Con Cuông nhưng hiện nay anh D không có mặt ở địa phương và không biết địa chỉ thay đổi của anh D vì khi đi không báo cho chính quyền địa phương biết”. Như vậy căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy: Hiện anh D đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, trường hợp này được coi là cố tình dấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của anh D theo hộ khẩu thường trú là tại khối 8, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức D đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND thị trấn Con Công, huyện Con Công là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức D đăng ký kết hôn ngày 20/7/1993 tại UBND thị trấn CC, huyện CC, tỉnh NA. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm, tính cách không phù hợp, trong công sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung do anh D không tu chí làm ăn, thườn xuyên rượu chè bê tha. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị T và anh D đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa anh D vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy giữa vợ chồng chị T và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh D không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên uống rượu về xúc phạm vợ con vì vậy mà hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa.

Xét thấy, giữa chị T và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 02/3/1994 và Nguyễn Đức Q, sinh ngày 21/02/2003. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, có khả năng lao động và có cuộc sống riêng chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. còn cháu Q hiện đang sống với chị T, được chị T chăm sóc và nuôi dưỡng rất tốt, quá trình giải quyết vụ kiện chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Như vậy nguyện vọng của chị T là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của người mẹ dành cho con và cũng phù hợp với nguyện vọng của con. Mặt khác qua các minh hiện nay anh D không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh D nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận giao con chung là cháu Nguyễn Đức Q cho chị T trực tiếp

nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đức D.

Về tài sản chung: do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 207, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức D.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức Q, sinh ngày 21/02/2003 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến cháu Q tròn 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đức D.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000100 ngày 16/5/2019.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- UBND thị trấn CC;
- Lưu Hồ sơ, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hồng Lợi